

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TÂN AN
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 112/2024/DS-ST
Ngày: 13-9-2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN AN, TỈNH LONG AN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Toàn Vẹn

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Tĩnh

Bà Lê Thị Đông

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Tuyết Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An tham gia phiên tòa:** Bà Lý Kiều Phương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 220/2024/TLST-DS ngày 07 tháng 6 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và nợ hui”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 135/2024/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phạm Đình N, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Số A Quốc lộ A, Phường B, thành phố T, tỉnh Long An.

Bị đơn:

1. Bà Trần Thị Kim O, sinh năm 1970;

2. Ông Nguyễn Hồng A, sinh năm 1970;

Cùng địa chỉ: Số A Đường N, Phường C, thành phố T, tỉnh Long An

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Thanh P, sinh năm 1967; là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 28/6/2024).

Địa chỉ: Số C ấp V, xã A, thành phố T, tỉnh Long An.

(ông N có mặt, ông P vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 27 tháng 5 năm 2024 và các lời khai tiếp theo trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Phạm Đình N trình bày:

Ông N và vợ chồng bà Trần Thị Kim O, ông Nguyễn Hồng Á (ghi nhầm là Nguyễn Hồng Á) là chỗ quen biết làm ăn với nhau nhiều năm nay. Vào ngày 26/7/2023, bà O và ông Á có vay của ông N số tiền 250.000.000 đồng; có làm biên nhận nợ; mục đích vay tiền: để làm ăn, lãi suất thỏa thuận bên ngoài là 03%/tháng, thời hạn trả nợ là 06 tháng (180 ngày kể từ ngày vay tiền).

Sau khi vay tiền bà O và ông Á không trả lãi cho ông N, đến hạn trả nợ cũng không trả nợ gốc cho ông N, bà O và ông Á hẹn lần hẹn lượt đến nay không trả nợ cho ông N.

Do vậy ông N khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị Kim O và ông Nguyễn Hồng Á liên đới trả cho ông N số tiền gốc còn nợ là 250.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật cụ thể là: 250.000.000 đồng tính từ ngày 26/7/2023 đến ngày 26/5/2024 là 250.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 10 tháng = 41.500.000 đồng, tổng số tiền gốc và lãi là 291.500.000 đồng.

Ngoài ra, ông N còn tham gia một phần hui do bà O và ông Á làm đầu thảo, đây hui 10.000.000 đồng, hui gồm có 15 phần, khai ngày 05/12/2021 mần ngày 05/02/2023. Ông N đã đóng hui sống đầy đủ 14 phần, ông N là người hốt chót nhưng đến ngày giao hui thì bà O và ông Á hẹn lần hẹn lượt cho đến nay cũng chưa giao hui cho ông N với số tiền là 140.000.000 đồng. Nay ông N yêu cầu vợ chồng bà O ông Á trả số hui 140.000.000 đồng, tính lãi số tiền này theo quy định của pháp luật từ ngày 05/02/2023 đến ngày 25/5/2024 là 140.000.000 đồng x 0,83% x 15 tháng 20 ngày là 18.204.000 đồng.

Tổng cộng ông N yêu cầu vợ chồng bà O ông Á liên đới thanh toán số tiền là 291.500.00 đồng + 140.000.000 đồng + 18.204.000 đồng = 449.704.000 đồng. Yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật cho đến ngày xét xử vụ kiện.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Tân An đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn và đại diện của bị đơn. Đồng thời đại diện của bị đơn đã có đơn xin sao chụp tài liệu, chứng cứ nhưng vắng mặt không lý do đồng thời không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn ông N xác định đối với số tiền cho vợ chồng bà O ông Á vay là 250.000.000 đồng, mặc dù trong “Giấy mượn tiền” ngày 26/7/2023 không thỏa thuận lãi suất cho vay nhưng thực tế các bên thỏa thuận lãi suất bên ngoài là 03%/tháng. Sau khi vay, bị đơn có trả được cho nguyên đơn 02 tháng tiền lãi của 02 tháng đầu tiên với số tiền là 15.000.000 đồng. Sau đó cho đến nay, bà O ông Á không trả được tiền gốc và tiền lãi cho ông N. Nay ông N yêu cầu vợ chồng bà O ông Á liên đới trả số tiền vay còn thiếu và tính tiền lãi theo quy định của pháp luật

từ ngày 26/9/2023 cho đến ngày xét xử là 1,66%/tháng và tính lãi chậm trả theo quy định pháp luật. Đối với số tiền nợ hui đã mãn và ông N là người được hốt hui chót nhưng vợ chồng bà O ông A cho rằng đang gặp khó khăn không giao hui được cho ông N, do chỗ quen biết lâu nay nên ông N xin rút lại yêu cầu khởi kiện đối với bà O ông A về số tiền nợ hui để tạo điều kiện cho bị đơn trả nợ cho ông N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân An tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát như sau:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký tuân thủ đúng quy định của pháp luật đến thời điểm trước khi vào nghị án. Các đương sự chấp hành đúng pháp luật. Đại diện bị đơn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đối với yêu cầu bị đơn trả số nợ vay 250.000.000 đồng và lãi suất theo quy định tính đến ngày xét xử: Căn cứ Giấy mượn tiền đề ngày 26/7/2023 và sao kê tài khoản Ngân hàng do ông N cung cấp thể hiện vợ chồng bà O ông A có vay tiền của ông N tổng cộng gốc là 250.000.000 đồng, có thỏa thuận thời hạn vay, mặc dù trong “Giấy mượn tiền” ngày 26/7/2023 không thỏa thuận lãi suất cho vay nhưng thực tế các bên thỏa thuận lãi suất bên ngoài là 03%/tháng và sau khi vay, bị đơn có trả cho nguyên đơn được 02 tháng tiền lãi với số tiền là 15.000.000 đồng. Đại diện bị đơn đã làm đơn xin sao chụp tài liệu chứng cứ nhưng vắng mặt không lý do và không có văn bản trình bày ý kiến. Điều này thể hiện bị đơn mặc nhiên thừa nhận chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Do đó có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền cho vay nhưng phải điều tiết lại tiền lãi theo cách thức khấu trừ số tiền lãi đã trả vượt quá vào tiền gốc. Số tiền lãi chậm trả được áp dụng theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa, nguyên đơn rút lại yêu cầu khởi kiện đối với số tiền nợ hui đối với bị đơn, việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện đã rút. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Ông Phạm Đình N khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản và nợ hui đối với bà Trần Thị Kim O và ông Nguyễn Hồng A có địa chỉ cư trú tại Phường C, thành phố T, tỉnh Long An. Căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An.

[2] Về xét xử vắng mặt đại diện bị đơn: Tại phiên tòa, nguyên đơn có mặt còn đại diện bị đơn là ông Nguyễn Thanh P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng:

Căn cứ Giấy mượn tiền đề ngày 26/7/2023 thể hiện nội dung “*chúng tôi tên: Trần Thị Kim O, SN 1970; CCCD: 081070006125, chồng: Nguyễn Hồng A,*

SN 1970; CCCD: 038070030265; ngụ: 113/4 Nguyễn Công T, P3, TPTA, LA có mượn 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng chẵn) của Phạm Đình N, SN 03/01/1989; CCCD: 082089012038. Tôi sẽ hoàn trả số tiền này đầy đủ. Nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm. Trong thời gian trả 6 tháng (180 ngày)” kèm theo sao kê tài khoản Ngân hàng Thương mại cổ phần A-Chi nhánh L do ông N cung cấp thể hiện bà O ông A có vay của ông N số tiền 250.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng kể từ ngày 26/7/2023. Mặc dù trong văn bản vay tiền không thể hiện lãi suất cho vay nhưng ông N xác định lãi suất các bên thoả thuận bên ngoài là 03%/tháng và bị đơn đã trả được lãi 02 tháng là 15.000.000 đồng. Lãi suất thoả thuận cả các bên đã vượt quá lãi suất 20%/năm được quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự nên lãi suất vượt quá sẽ bị vô hiệu và số tiền lãi bị đơn đã trả vượt quá nên được điều tiết lại như sau:

Số nợ gốc là 250.000.000 đồng, lãi suất 1,66%/tháng, thời hạn vay là 06 tháng, tiền lãi được tính như sau:

Số tiền lãi tháng thứ nhất: $250.000.000 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} = 4.150.000 \text{ đồng}$, bị đơn đóng lãi 7.500.000 đồng là đã thừa 3.350.000 đồng, số tiền thừa này được khấu trừ vào số nợ gốc nên tiền nợ gốc còn lại là 246.650.000 đồng;

Số tiền lãi tháng thứ hai: $246.650.000 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} = 4.094.390 \text{ đồng}$, bị đơn đóng lãi 7.500.000 đồng là đã thừa 3.405.610 đồng, số tiền thừa này được khấu trừ vào số nợ gốc nên tiền nợ gốc còn lại là 243.244.390 đồng;

Tiền lãi trong hạn từ ngày 27/9/2023 đến ngày 26/01/2024 = $243.244.390 \text{ đồng} \times 1,66\% \times 04 \text{ tháng} = 16.151.427 \text{ đồng}$;

Tiền lãi quá hạn tính từ ngày 27/01/2024 đến ngày xét xử = $243.244.390 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 150\% \times 07 \text{ tháng} 17 \text{ ngày} = 45.829.676 \text{ đồng}$;

Tiền lãi chậm trả lãi tính từ ngày 27/01/2024 đến ngày xét xử = $16.151.427 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 07 \text{ tháng} \times 17 \text{ ngày} = 1.014.363 \text{ đồng}$.

Tổng cộng tiền lãi: $16.151.427 \text{ đồng} + 45.829.676 \text{ đồng} + 1.014.363 \text{ đồng} = 62.995.466 \text{ đồng}$.

Tổng cộng gốc và lãi: $243.244.390 \text{ đồng} + 62.995.466 \text{ đồng} = 306.239.856 \text{ đồng}$.

[3] Từ các tình tiết nêu trên xác định việc vợ chồng bà O ông A vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho ông N đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông N được pháp luật bảo vệ, yêu cầu khởi kiện của ông N là có căn cứ theo Điều 470 Bộ luật Dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc vợ chồng bà O ông A phải liên đới trả cho ông N số tiền nợ vay tổng cộng gốc và lãi tạm tính đến ngày xét xử là 306.239.856 đồng.

[4] Xét việc ông N rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền nợ hui 140.000.000 đồng cùng lãi suất theo quy định: tại phiên tòa ông N trình bày cho rằng giữa hai bên có quen biết làm ăn nhiều năm nay, ông N là người hót hui chót nhưng bà O chưa giao hui được cho ông N là do công việc làm ăn của vợ chồng bà O ông A đang gặp nhiều khó khăn, ông N cũng muốn tạo điều kiện cho bị đơn xoay sở trả tiền nợ còn thiếu nên rút lại yêu cầu khởi kiện đối với số tiền nợ hui. Việc nguyên

đơn rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền nợ hui là tự nguyện nên Hội đồng xét xử quyết định đình chỉ theo quy định tại Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, ông N có quyền khởi kiện lại một vụ án khác theo quy định pháp luật.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu 5% án phí trên tổng số tiền phải trả cho nguyên đơn.

[6] Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm c Khoản 1 Điều 39, 147, 227, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 280, 288, 357, 466, 468 và 470 Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Buộc bà Trần Thị Kim O và ông Nguyễn Hồng A liên đới trả cho ông Phạm Đình N số tiền nợ đã vay và còn thiếu theo “Giấy mượn tiền” ngày 26/7/2023 gồm nợ gốc là 243.244.390 đồng, nợ lãi là 62.995.466 đồng, tổng cộng là 306.239.856 đồng.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Đình N về việc buộc bà Trần Thị Kim O và ông Nguyễn Hồng A liên đới trả số tiền nợ hui còn thiếu là 140.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả do nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện. Ông Phạm Đình N được quyền khởi kiện lại vụ án theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc bị đơn bà Trần Thị Kim O và ông Nguyễn Hồng A có nghĩa vụ liên đới chịu 15.311.993 đồng sung ngân sách Nhà nước.

- Hoàn trả cho ông Phạm Đình N số tiền tạm ứng án phí 10.994.080 đồng theo biên lai thu số 00001767 ngày 05 tháng 6 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân An, tỉnh Long An.

4. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ. Trường hợp đương sự vắng mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tp. Tân An;
- Chi cục THADS tp. Tân An;
- Các đương sự (03);
- Lưu: HS vụ án, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Toàn Vẹn